

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 71, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 107/2022/TLST-VHNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tổ tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Chị **Dương Thị Thúy H**; sinh năm 1973; HKTT: Số 18 ngách 562/33 Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; Nơi công tác hiện nay: Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Multilaw-Địa chỉ: Số 4 ngách 58/44 Đào Tấn, phường Công Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Anh **Nguyễn Danh H**; sinh năm 1961; HKTT và nơi ở hiện nay: Số 18 ngách 562/33 Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Chị Dương Thị Thúy H và anh Nguyễn Danh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 09 năm 1993 tại Ủy ban nhân dân phường Bưởi, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 85. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Chị Dương Thị Thúy H và anh Nguyễn Danh H thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội là nơi có địa chỉ làm việc của chị H công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21/02/2022 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Dương Thị Thúy H và anh Nguyễn Danh H xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Hà M-sinh ngày 13/03/1994 và Nguyễn Khánh T-

sinh ngày 16/11/2002. Hiện nay cả hai con chung của anh chị đã trưởng thành và phát triển bình thường, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Hai bên xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

Về các khoản vay nợ: Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí tòa án: Anh Nguyễn Danh H tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Thúy H và anh Nguyễn Danh H.

- Về con chung: Chị Dương Thị Thúy H và anh Nguyễn Danh H xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Hà M-sinh ngày 13/03/1994 và Nguyễn Khánh T-sinh ngày 16/11/2002. Hiện nay cả hai con chung của anh chị đã trưởng thành và phát triển bình thường, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Hai bên xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

Về các khoản vay nợ: Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Danh H tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0067940 ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Ba Đình;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhung

Mẫu số 31-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-HNGĐ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ⁽³⁾..... Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ⁽⁴⁾..... Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số...../...../TLST-HNGĐ⁽⁵⁾ ngàythángnăm..... về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁶⁾.....

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽⁷⁾.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽⁸⁾

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

.....

- Về con chung:

.....

- Về tài sản chung:

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tòa án:

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].